

0.a. Goal

Mục tiêu 6: Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người

0.b. Target

Mục tiêu 6.1: Đến năm 2030, đảm bảo khả năng tiếp cận đầy đủ và công bằng với nước uống và sinh hoạt an toàn, trong khả năng chi trả cho tất cả mọi người (Mục tiêu 6.1 toàn cầu)

0.c. Indicator

Chỉ tiêu 6.1.1. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung

0.e. Metadata update

tháng 6/2021

1.a. Organisation

Bộ Xây dựng

1.f. Contact mail

Số 37 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

1.g. Contact email

boxaydung@moc.gov.vn

2.a. Definition and concepts

Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là phần trăm dân số sống ở khu vực đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung trong tổng số dân sống ở khu vực đô thị.

2.c. Classifications

Bảng danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 08/7/2004 của Thủ tướng Chính phủ và những thay đổi được Tổng cục Thống kê cập nhật đến thời điểm 31/12/2019)

3.a. Data sources

- Điều tra các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia.

3.b. Data collection method

a) Điều tra các chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật đô thị: Là cuộc điều tra thuộc Chương trình thống kê quốc gia và do Bộ Xây dựng thực hiện.

- Đối tượng, đơn vị điều tra:

+ Hệ thống cấp nước; thoát nước; thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị và khu dân cư nông thôn tập trung; nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; chiếu sáng và giao thông đô thị.

+ Cơ quan quản lý; đơn vị quản lý, vận hành.

- Loại điều tra: Điều tra toàn bộ kết hợp với điều tra chọn mẫu

- Nội dung điều tra: Điều tra năng lực phục vụ (quy mô, công suất, phạm vi, chi phí tiêu hao, tỷ lệ phục vụ,...);

b) Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia: Biểu 002.N/BCB-XD

3.d. Data release calendar

Năm

3.e. Data providers

Bộ Xây dựng

3.f. Data compilers

Bộ Xây dựng

4.a. Rationale

Chỉ tiêu phản ánh mức độ tiếp cận nước sạch của dân số đô thị cũng như kết quả cung cấp nước sạch cho dân số đô thị; đánh giá hiệu quả của các chương trình cung cấp nước sạch quốc gia; phản ánh mức sống của người dân ở khu vực thành thị.

4.c. Method of computation

Method of computation

Công thức tính:

$$\text{Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (\%)} = \frac{\text{Dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung}}{\text{Tổng dân số khu vực đô thị}} \times 100$$

5. Data availability and disaggregation

Số liệu có sẵn hàng năm từ năm 2016-2019.

Số liệu theo vùng, tỉnh/thành phố trực thuộc Trung Ương hàng năm từ 2016-2019.

(Nguồn công bố: Niên giám thống kê của Tổng cục Thống kê)

6. Comparability/deviation from international standards

Chỉ tiêu “Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung” là một trong những chỉ tiêu phản ánh 1 phần chỉ tiêu SDG toàn cầu “6.1.1.Proportion of population using safely managed drinking water services”

7. References and Documentation

- Chương trình điều tra thống kê quốc gia ban hành theo Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ
- Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 ban hành Chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia
- Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22/01/2019 quy định Bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam;
- <https://unstats.un.org/sdgs/metadata/>